

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,200 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần	2024	
	161	YoY ▲ 9.00 ▲ 6.1%
	tỷ VNĐ	

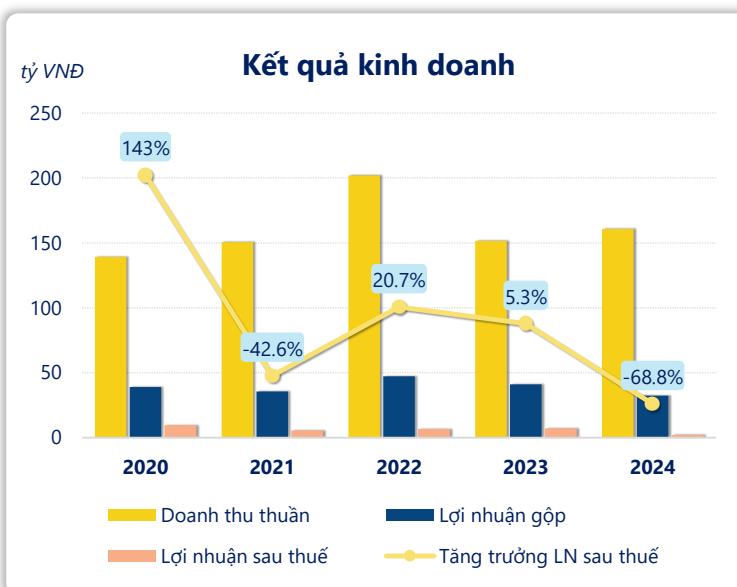
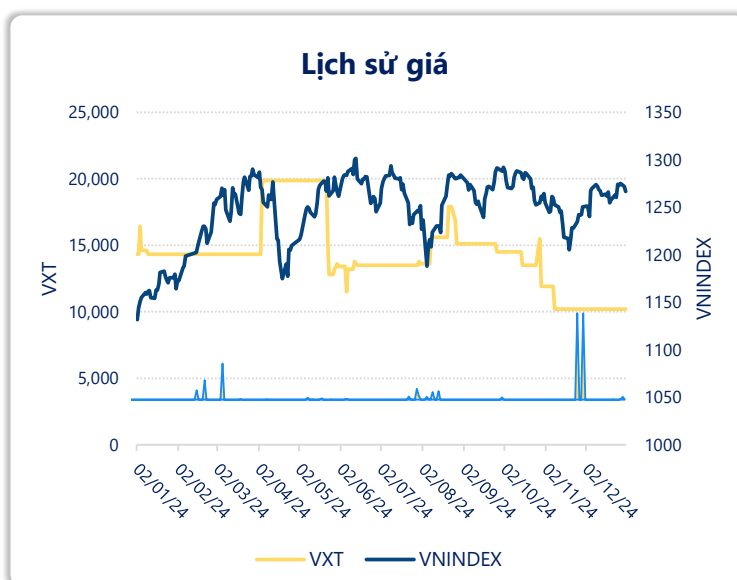
LN gộp	2024	
	32.4	YoY ▼ 8.60 ▼ 21.0%
	tỷ VNĐ	

LN thuần	2024	
	2.38	YoY ▼ 4.17 ▼ 63.6%
	tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	
	2.20	YoY ▼ 4.84 ▼ 68.8%
	tỷ VNĐ	

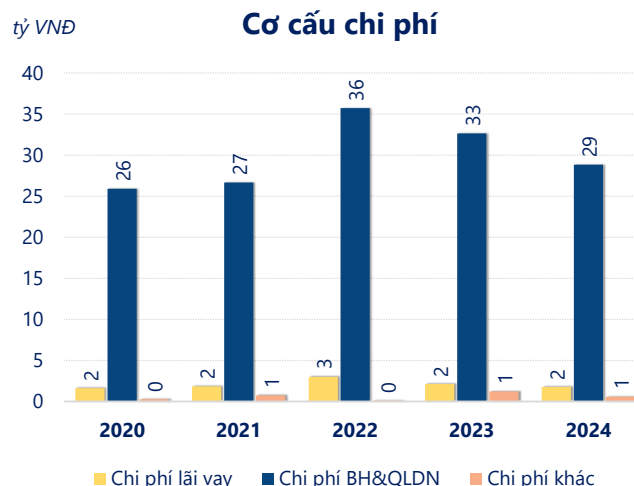
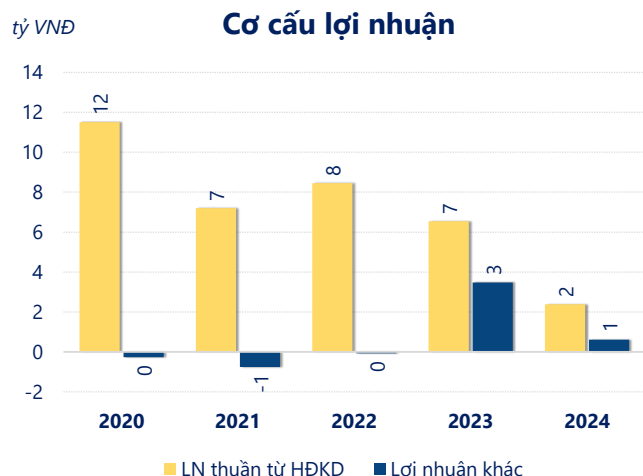
ROE	2024	
	1.8%	+/- YoY ▼ 6.4%

ROA	2024	
	1.1%	+/- YoY ▼ 3.4%



Kết quả kinh doanh **VXT** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **160.7** tỷ đồng **tăng 6.08%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 68.8%** chỉ còn **2.20** tỷ đồng.

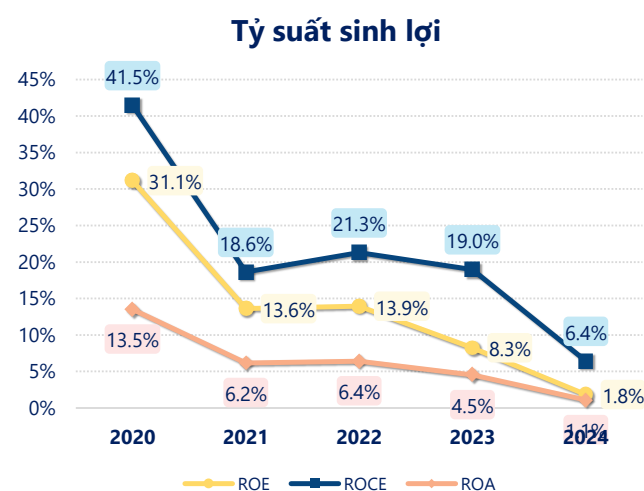
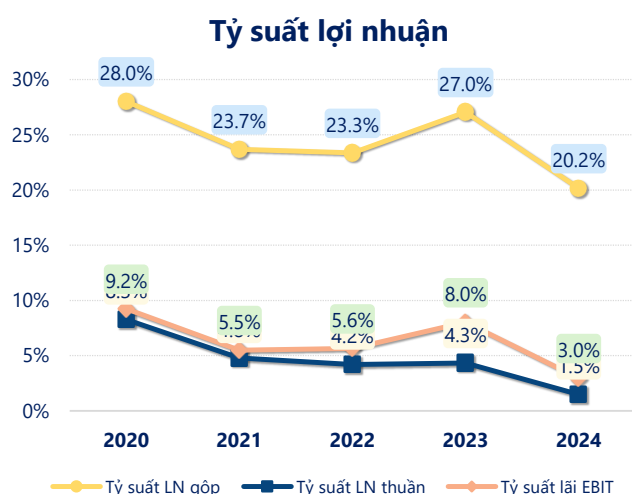
Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **1.84%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.



Năm **2024**, **VXT** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **2.38** tỷ đồng, **giảm đi 4.16** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (7.22 tỷ đồng) là 4.84 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1.75** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **28.83** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.57** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VXT năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **1.84%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



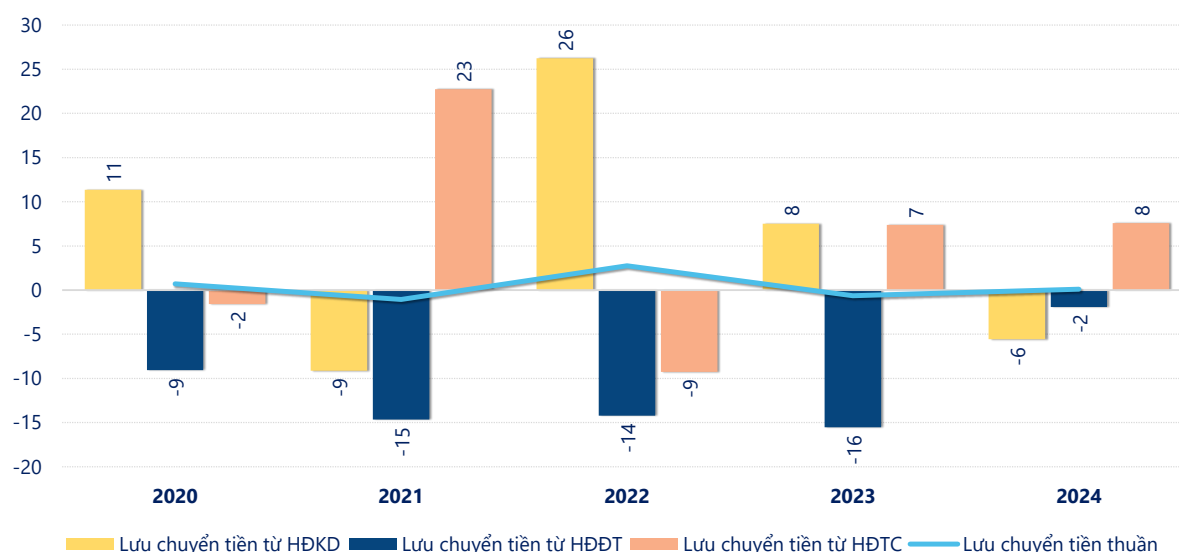
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	139	151	202	152	161
Giá vốn hàng bán	100	115	155	111	128
Lợi nhuận gộp	39.0	35.7	47.1	41.0	32.4
Doanh thu HĐTC	0.00	0.04	0.05	0.30	0.58
Chi phí TC	1.62	1.83	3.01	2.11	1.75
Chi phí lãi vay	1.62	1.83	3.01	2.11	1.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.1	22.8	30.6	24.5	17.8
Chi phí QLDN	4.78	3.89	5.17	8.10	11.0
LN thuần từ HĐKD	11.5	7.21	8.46	6.55	2.38
Lợi nhuận khác	-0.27	-0.76	-0.08	3.48	0.62
LN trước thuế	11.2	6.45	8.38	10.0	3.00
Lợi nhuận sau thuế	9.66	5.54	6.69	7.04	2.20
LNST của CĐ cty mẹ	9.66	5.54	6.69	5.13	1.36

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VXT bằng **0.11** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.65 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng - **5.57** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1.91** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **7.59** tỷ đồng.